

Số:.....QĐ-THĐL

Đăng Lâm, ngày 01 tháng 11 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường Năm học 2022-2023**

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Công văn số 606/SGDDĐT-VP ngày 10/3/2023 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Kế hoạch số 128/KH-SGDĐT ngày 12/10/2023 của Sở GD&ĐT về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023;

Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về triển khai thực hiện công tác Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024;

Kế hoạch số 44/KH-PGDĐT, ngày 30/10/2023 của Phòng GD&ĐT quận về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học năm học 2022-2023;

Kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023;

Biên bản tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023;  
Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023 gồm điểm đánh giá ở các tiêu chí theo bộ tiêu chí kèm theo như sau:

- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học”: đạt 58/100 điểm; Đáp ứng mức độ 2.

- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục”: đạt 78/100 điểm; Đáp ứng mức độ 3.

**Điều 2.** Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023; Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023 đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số trong

nhà trường, năm học 2022- 2023 là căn cứ để cơ quan quản lý kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-ĐT: báo cáo;
- CB-GV trường: Thực hiện;
- Lưu: VT, Hồ sơ CNTT

**HIỆU TRƯỞNG**

## PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2022-2023

| STT       | Tiêu chí   | Điểm tối đa | Điểm thành phần    | Mức độ   | Ghi chú, minh chứng   |
|-----------|--|-------------|--------------------|--|---|
| <b>1.</b> | <b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>  | <b>100</b>  |                    |  |   |
| 1.1.      | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)   |             | Điều kiện bắt buộc |  | - Kế hoạch GD nhà trường năm học 2022-2023: số 29/KH-THĐL ngày 10/10/2022   |
| 1.2.      | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến   |             | Điều kiện bắt buộc |  | - Kế hoạch số 30/KH-THĐL ngày 10/10/2022 về tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2022-2023  |
| 1.3.      | <p>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)</li> </ul>   | 30          | <b>6 điểm</b>      | <b>Mức độ<br/>1</b>  | Phần mềm dạy học zoom meeting (Zoom.org.gv)<br><br>Đường link:<br><a href="https://taphuan.csdl.edu.vn">https://taphuan.csdl.edu.vn</a>   |
|           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).</li> <li>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</li> <li>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</li> <li>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</li> <li>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.</li> </ul> </li> </ul> |             | <b>0 điểm</b>      | Mức độ 1: dưới 10 điểm<br>Mức độ 2: từ 10 -20 điểm<br>Mức độ 3: trên 20 điểm |   |
| 1.4.      | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).   | 10          | <b>8 điểm</b>      | <b>Mức độ<br/>3</b>  | Năm học 2022-2023 CBGV nhà trường đã xây dựng được số học liệu: 25 học liệu<br><br>Đường link:<br><a href="https://thdanglam.haiphong.edu.v">https://thdanglam.haiphong.edu.v</a> |
|           |  |             |                    | Mức độ 1: dưới 4 điểm  |   |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ  | Ghi chú, minh chứng  |
|------|---|-------------|-----------------|---|--|
|      |   |             |                 | Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm<br>Mức độ 3: trên 7 điểm                            | <a href="n/kho-hoc-lieu/c/16445">n/kho-hoc-lieu/c/16445</a>  |
| 1.5. | Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)                                | 20          | <b>12 điểm</b>  | <b>Mức độ 2</b>   | Nhà trường tổ chức cho HS thi cờ vua online tại phòng tin.<br>Phần mềm: Netsupport school<br>(Phòng học tin có 01 máy tính chủ GV kết nối phần mềm Netsupport school với 30 máy tính HS)         |
|      | Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường  |             | <b>2 điểm</b>   | Mức độ 1: dưới 8 điểm<br>Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm |  |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:<br>- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | 20          | <b>7 điểm</b>   | <b>Mức độ 3</b>   | - Nhà trường có 78/78 GV = 100% có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến tại <a href="https://taphuan.cSDL.edu.vn">https://taphuan.cSDL.edu.vn</a> (danh sách đính kèm) |
|      | - Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học  |             | <b>6 điểm</b>   | Mức độ 1: dưới 8 điểm<br>Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm | - Nhà trường có 70/78 GV = 89,7% có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.   |
|      | - Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử   |             | <b>4 điểm</b>   |   | - Nhà trường có 70/78 GV = 89,7% có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử   |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:<br>- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học                           | 20          | <b>8 điểm</b>   | <b>Mức độ 2</b>   | Nhà trường có 51/51 phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học   |

| STT   | Tiêu chí   | Điểm tối đa | Điểm thành phần    | Mức độ   | Ghi chú, minh chứng   |
|---|--|-------------|--------------------|--|---|
|   |  |             |                    | điểm   | ( <i>hình ảnh đính kèm</i> )  |
|   | - Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học <sup>1</sup>  |             | <b>5 điểm</b>      | Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm | - Nhà trường có 01 phòng máy vi tính có 31 máy phục vụ cho công tác dạy tin học của nhà trường.<br>- Số HS/máy: 02HS/máy.<br>( <i>hình ảnh đính kèm</i> )   |
|   | - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)   |             | <b>0</b>           |  |   |
| <b>Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong dạy học</b> |  |             | <b>58</b>          | <b>2</b>   |   |
| <b>2.</b>   | <b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>   | <b>100</b>  |                    |  |   |
| 2.1.  | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) |             | Điều kiện bắt buộc |  | Ban chỉ đạo CNTT (Trưởng ban: đ/c Trịnh Thị Thu Huyền- Hiệu trưởng;<br>trinhthithuhuyen@haian.edu.vn.<br>ĐT 0916514075 từ tháng 09/2022 đến hết tháng 12/2022)<br>(Trưởng ban: đ/c Phạm Thị Thúy Hải-Hiệu trưởng;<br>phamthuyhai_hieutruong@haian.edu.vn<br>ĐT 0913347925 từ tháng 01/2023)<br>- Quyết định số 94/QĐ-TH ngày 11/10/2022 về việc thành lập Ban |

<sup>1</sup> **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần    | Mức độ  | Ghi chú, minh chứng  |
|------|---|-------------|--------------------|---|--|
|      |   |             |                    |   | chỉ đạo ứng dụng CNTT, CDS năm học 2022-2023   |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số   |             | Điều kiện bắt buộc |   | - Kế hoạch số 33/KH-THĐL ngày 11/10/2022 về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy năm học 2022-2023  |
| 2.3. | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):<br>- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường | 70          | <b>6 điểm</b>      | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block; text-align: center;"> <b>Mức độ<br/>3</b> </div><br>Mức độ 1: dưới 20 điểm<br>Mức độ 2: từ 20-50 điểm<br>Mức độ 3: trên 50 điểm | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường thông qua phần mềm CSDL ngành<br><i>csdl.haiphong.edu.vn</i><br>+ Quyết định số 96/QĐ-THĐL ngày 15/10/2022 ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu GD&ĐT |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)   |             | <b>6 điểm</b>      |   | Đường link:<br><i>csdl.haiphong.edu.vn</i>   |
|      | - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử   |             | <b>3 điểm</b>      |   | Đường link:<br><i>csdl.haiphong.edu.vn</i>   |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV  |             | <b>6 điểm</b>      |   | Đường link:<br><i>haiphong qlcb.vn</i>   |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất  |             | <b>10 điểm</b>     |   | Đường link:<br><i>https://qltsapp.misa.vn/login</i>  |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh   |             | <b>8 điểm</b>      |   | Đường link:<br><i>csdl.haiphong.edu.vn</i>   |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán   |             | <b>6 điểm</b>      |   | Phần mềm kế toán MISA  |
|      | - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)  |             | <b>6 điểm</b>      |   | Đường link:<br><i>csdl.haiphong.edu.vn</i>   |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ  | Ghi chú, minh chứng  |
|--|---|-------------|-----------------|---|--|
| 2.4.   | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:<br>- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | 30          | <b>10 điểm</b>  | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block; text-align: center;"> <b>Mức độ<br/>3</b> </div> <p>Mức độ 1: dưới 10 điểm<br/>Mức độ 2: từ 10-18 điểm<br/>Mức độ 3: trên 18 điểm</p> | Đường link trang web:<br><a href="https://thdanglam.haiphong.edu.vn/homegd5">https://thdanglam.haiphong.edu.vn/homegd5</a><br>Đường link Facebook<br><a href="https://www.facebook.com/profile.php?id=100084635541399&amp;mib_extid=LOQJ4d">https://www.facebook.com/profile.php?id=100084635541399&amp;mib_extid=LOQJ4d</a> |
|  | - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:  |             | <b>12 điểm</b>  | Đường link:<br><a href="https://csdl.haiphong.edu.vn">csdl.haiphong.edu.vn</a>  |  |
|  | - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt   |             | <b>5 điểm</b>   | <a href="#">Phu huynh chuyên khoản cho GV chủ nhiệm</a>   |  |
| Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong quản trị CSGD |   |             | <b>78 điểm</b>  | <b>Mức 3</b>  |  |